DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 3193 ***/QĐ - VPCNCLQG ngày 23 tháng 10 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/ of BoA Director)***

Tên phòng xét nghiệm:	**Phòng khám chuyên khoa xét nghiệm Medlatec số 17 – Việt Trì, Phú Thọ**
Medical Laboratory:	***Medical Testing Laboratory Medlatec No. 17 – Việt Trì, Phú Thọ***
Cơ quan chủ quản:	**Công ty TNHH Medlatec Việt Nam**
Organization:	***Medlatec Vietnam Co., Ltd***
Lĩnh vực xét nghiệm:	**Hóa sinh**
Field of medical testing:	***Biochemistry***
Người phụ trách/ *Representative:*	**Nguyễn Thị Lý** ***Nguyen Thi Ly***
Chuẩn mực công nhận/ *Accreditation criteria:*	**ISO 15189:2022**
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS Med 161**
Hiệu lực/ *Validation:*	**Từ ngày** *23 / 10* **/2026 đến ngày 05/10/2030**
Địa chỉ/ *Address* :	**Số 48 Hàn Thuyên, Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam** ***No. 48 Han Thuyen Street, Viet Tri Ward, Phu Tho Province, Vietnam***
Địa điểm/*Location* :	**Số 48 Hàn Thuyên, Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam** ***No. 48 Han Thuyen Street, Viet Tri Ward, Phu Tho Province, Vietnam***
Điện thoại/ *Tel*:	**034 2088868**
Email:	**ly.nguyenthi1@medlatec.com**
Website:	**www.medlatec.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS MED 161

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT *No.*	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) *Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)*	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm *(The name of medical tests)*	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm *(Principle/ Technical test)*	Phương pháp xét nghiệm *(Test method)*
1.	**Huyết thanh, Huyết tương** ***Serum, Plasma (heparine)***	Định lượng Alanin Aminotransferase (ALT) *Determination of Alanin transaminase (ALT)*	Động học enzyme *Enzym kinetics*	MEDPT/XN.QTXN. HS.02 (2026) (Cobas C501)
2.		Định lượng Aspartate Aminotransferase (AST) *Determination of Aspartate transaminase (AST)*		MEDPT/XN.QTXN. HS.01 (2026) (Cobas C501)
3.		Định lượng Cholesterol toàn phần *Determination of total Cholesterol*	Enzym so màu *Enzymatic Colormetric*	MEDPT/XN.QTXN. HS.09 (2026) (Cobas C501)
4.		Định lượng Glucose *Determination of Glucose*	Động học enzyme *Enzym kinetics, UV*	MEDPT/XN.QTXN. HS.06 (2026) (Cobas C501)
5.		Định lượng Triglycerid *Determination of Triglyceride*	Enzym so màu *Enzymatic Colormetric*	MEDPT/XN.QTXN. HS.08 (2026) (Cobas C501)
6.		Định lượng Ure *Determination of Urea*	Động học enzyme *Enzym kinetics*	MEDPT/XN.QTXN. HS.04 (2026) (Cobas C501)
7.		Định lượng HDL-Cholesterol *Determination of HDL- Cholesterol*	Enzym so màu *Enzymatic Colormetric*	MEDPT/XN.QTXN. HS.10 (2026) (Cobas C501)
8.		Định lượng Uric Acid *Determination of Uric Acid*		MEDPT/XN.QTXN. HS.07 (2026) (Cobas C501)
9.		Định lượng GGT *Determination of γ-Glutamyltransferase*		MEDPT/XN.QTXN. HS.05 (2026) (Cobas C501)

Ghi chú/ ***Note****:*

- MEDPT/XN.QTXN…: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Phòng Xét nghiệm vật cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp *dịch vụ này/ It is mandatory for the Laboratory Department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*